TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ CAI LẬY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **67**/2017/DSST
Ngày: 27/9/2017

V/v tranh chấp: "Đòi lại tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ CAI LẬY, TỈNH TIỀN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Bà **Lê Thị Hồng Tâm.**

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông **Trần Văn Tám.**

2. Bà **Lý Thị Bé Năm.**

- *Thư ký phiên tòa:* Ông **Võ Phong Hiếu**, là Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa*: Ông **Nguyễn Thanh Bình,** Kiểm sát viên.

Ngày **27** tháng **9** năm **2017** tại Tòa án nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang xét xử công khai vụ án thụ lý số 221/2016/TLST-DS ngày 01/12/2016 về tranh chấp: "Hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 73/2017/QĐXXST-DS ngày 29/8/2017 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà **Phạm Thị Hồng A**, sinh năm 1966

Địa chỉ: số 208B đường T, khu phố 5, phường 10, Tp M, Tiền Giang;

Đại diện theo ủy quyền: Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1966 (theo văn bản ủy quyền ngày 29/12/2016). (có mặt)

Địa chỉ: số 208B đường T, khu phố 5, phường 10, Tp M, tỉnh Tiền Giang

* *Bị đơn:* Ông **Nguyễn Văn M**, sinh năm 1942

Bà **Lê Thị M**, sinh năm 1947.

Ông **Nguyễn Văn L**, sinh năm 1987.

Bà **Nguyễn Thị Thanh X**, sinh năm 1989.

Cùng địa chỉ: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1972. (theo văn bản ủy quyền ngày 02/3/2017), (có mặt)

Địa chỉ: ấp 5, xã T, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông **Nguyễn Văn S**, sinh năm 1972. (có mặt)

Địa chỉ ĐKTT: ấp 5, xã T, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

Địa chỉ tạm trú: Ấp Q, xã N, thị xã C, tỉnh Tiền Giang

2. Bà **Nguyễn Ngọc P**, sinh năm 1983. (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp L, xã L, huyện Ch, tỉnh Tiền Giang.

3. : Ông **Nguyễn Văn N**, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: số 208B đường T, khu phố 5, phường 10, Tp M, tỉnh Tiền Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 29/11/2016 của nguyên đơn Phạm Thị Hồng A và lời khai của ông Nguyễn Văn N, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phạm Thị Hồng A và là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa trình bày:

Ngày 16/10/2012 bà Phạm Thị Hồng A có cho ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Thanh X vay số tiền 300.000.000 đồng, thời hạn vay 06 tháng, lãi suất hai bên thỏa thuận là 2%/tháng. Khi vay, ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X có thế chấp cho bà Phạm Thị Hồng A quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00597.QSDĐ/QĐUB ngày 08/11/2004 gồm 02 thửa :

- Thửa số 78 tờ bản đồ 17 diện tích 5.600m^2 mục đích sử dụng Quả, tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- Thửa số 140 tờ bản đồ 17 diện tích 2.889m^2 (trong đó T: 300m^2. Quả 2.589m^2) tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Hợp đồng thế chấp đã được Phòng công chứng Cửu Long, tỉnh Tiền Giang chứng thực ngày 16/10/2012. Hợp đồng này được ký kết giữa bà Phạm Thị Hồng A với ông Nguyễn Văn S vì ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X đã có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn S.

Ngày 16/10/2016 bà Phạm Thị Hồng A đã giao số tiền 300.000.000 đồng cho ông Nguyễn Văn S đại diện nhận, khi giao nhận tiền ông S có viết biên nhận cho bà.

Từ lúc vay đến nay, ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X không trả lãi cho bà và hết thời hạn vay cũng không trả vốn cho bà.

Nay bà yêu cầu buộc ông ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X cùng ông Nguyễn Văn S có trách nhiệm liên đới trả cho bà số tiền 300.000.000 đồng tiền gốc và tiền lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày vay cho đến nay. Nếu không thực hiện nghĩa vụ thì yêu cầu xử lý tài sản thế chấp.

* Bị đơn Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X, đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Văn S (ông S đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan) trình bày :

Ông và vợ là Nguyễn Ngọc P là người trực tiếp vay của bà Phạm Thị Hồng A số tiền 300.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất 5%/tháng, không nhớ thời gian vay. Tuy nhiên, thực tế vợ chồng ông chỉ nhận có 250.000.000 đồng vì phía bà A trừ tiền lãi trước của một tháng và tiền môi giới vay cho ông N là 50.000.000 đồng.

Khi vay vợ chồng ông có thế chấp cho bà Phạm Thị Hồng A 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do hộ ông Nguyễn Văn M đứng tên. Ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị Thanh X đã lập hợp đồng ủy quyền cho ông với mục đích cho ông mượn giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để vay tiền của bà Phạm Thị Hồng A.

Từ đó, ngày 16/10/2012 ông đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với bà Phạm Thị Hồng A, hợp đồng đã được Phòng công chứng Cửu Long, Tp Mỹ Tho công chứng. Sau khi ký hợp đồng thế chấp thì ông có nhận của bà A số tiền 300.000.000 đồng thực tế nhận chỉ có 250.000.000 đồng, do ông Nguyễn Văn N giao tiền cho ông. Sau khi nhận tiền, ông có viết 01 biên nhận ngày 16/10/2012 và đưa cho ông N. Toàn bộ nội dung biên nhận là do ông viết.

Nay với yêu cầu của bà Phạm Thị Hồng A về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị Thanh X trả số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi, ông không đồng ý, vì số tiền này ông là người trực tiếp vay của bà A, không phải ông M, bà M, anh L và chị X vay.

Trong quá trình ông đi thi hành án, thì vợ ông là Nguyễn Ngọc P đã ký giấy sang nhượng khách sạn tên Nguyễn Ngọc P cho bà Phạm Thị Hồng A đứng tên để bà A bán khách sạn, số tiền bán được sẽ khấu trừ số tiền nợ 700.000.000 đồng và tiền lãi mà vợ chồng ông vay khi xây dựng khách sạn. Khi thỏa thuận việc này, phía bà A có hứa sau khi bán khách sạn xong thì bà A sẽ trả cho ông giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn M nhưng không thực hiện.

Ông cũng không đồng ý trả cho bà A số tiền 300.000.000 đồng vốn và tiền lãi vì phía bà A đã lấy ông một số tài sản là vật liệu xây dựng nhưng khi lấy phía bà A không nói mục đích để làm gì.

Đối với phần đất diện tích 8.489m^2 theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00597/QSDĐ/2421/QĐUB (H) 7/04 do UBND huyện C, tỉnh Tiền Giang cấp ngày 07/11/2004 cấp cho hộ ông Nguyễn Văn M không có cho thuê, không thế chấp ngân hàng.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc P đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng, nhưng không có ý kiến gì về yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng A.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Ngọc P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do chính đáng, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà P theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét, hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2012 giữa bà Phạm Thị Hồng A và ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị Thanh X có thời hạn vay là 06 tháng, như vậy đến ngày 16/4/2013 là hết thời hạn vay. Theo quy định tại Điều 427 Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời hiệu khởi kiện là 02 năm (từ ngày 16/4/2013 đến ngày 16/4/2015). Tuy nhiên, đến ngày 01/12/2016 bà Phạm Thị Hồng A mới khởi kiện tại Tòa án, nên hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp "Hợp đồng vay tài sản". Do đó, Hội đồng xét xử xác định lại quan hệ tranh chấp của vụ án là "Đòi lại tài sản".

Tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn N, là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Phạm Thị Hồng A giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, theo đó ông N yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L, Nguyễn Thị Thanh X và ông Nguyễn Văn S liên đới trả cho bà Phạm Thị Hồng A số tiền 300.000.000 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất 0,75% từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm; yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp ngày 16/10/2012.

Ông Nguyễn Văn S là đại diện theo ủy quyền của bị đơn không đồng ý theo yêu cầu của ông Nguyễn Văn N vì ông S cho rằng ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị Thanh X không phải là người vay tiền của bà Hồng Anh, số tiền 300.000.000 đồng là do ông và vợ là Nguyễn Ngọc Phượng là người vay, lãi suất của khoản vay là 5%/tháng. Khi vay ông chỉ nhận của bà Phạm Thị Hồng A số tiền 250.000.000 đồng, do ông Nguyễn Văn N là người giao tiền; còn lại 50.000.000 đồng thì để khấu trừ tiền lãi và tiền môi giới. Phía bà Phạm Thị Hồng A đã lấy tài sản của gia đình ông để khấu trừ số tiền nợ.

Xét, theo quy định tại Điều 2 của Hợp đồng ủy quyền ngày 15/10/2012 được công chứng tại Phòng công chứng số 3, tỉnh Tiền Giang (bút lục 76) thì ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X (bên A) ủy quyền cho ông Nguyễn Văn S (bên B) "*Bên A đồng ý ủy quyền cho bên B thay mặt và nhân danh bên A ký các hợp đồng thế chấp (để đảm bảo cho các khoản vay của bên A hoặc của bên thứ ba) đối với các thửa đất nêu trên căn cứ theo những quy định hiện hành. Bên B được quyền thay mặt và nhân danh bên A ký các hợp đồng vay tiền liên quan (không giới hạn số lần vay); số tiền vay không vượt quá giá trị sản thế chấp kể trên…*".

Căn cứ vào hợp đồng ủy quyền này, ngày 16/10/2012 ông Nguyễn Văn S đã thay mặt ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X vay bà Phạm Thị Hồng A số tiền 300.000.000 đồng, ông S đã nhận tiền và viết 01 biên nhận ngày 16/10/2012 cho bà Hồng Anh, đồng thời cùng ngày ông Nguyễn Văn S cũng ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để đảm bảo cho

khoản vay 300.000.000 đồng nêu trên. Do đó, Hội đồng xét xử xác định giao dịch vay tiền ngày 16/10/2012 là giao dịch được thực hiện giữa bà Phạm Thị Hồng A và ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X.

Ông Nguyễn Văn S cho rằng ông và bà Nguyễn Ngọc P là người trực tiếp vay tiền của bà Hồng A và chỉ nhận số tiền 250.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng thì trừ 02 tháng tiền lãi và tiền môi giới, ông Nguyễn Văn S cũng xuất trình 01 biên nhận, nội dung thể hiện ông Nguyễn Văn N thiếu ông S số tiền 100.000.000 đồng và hẹn ngày 30/12/2012 sẽ trả lại cho anh Sơn, ông S cho rằng số tiền này xuất phát từ khoản vay 300.000.000 đồng của bà Hồng A.

Xét, ông Nguyễn Văn S thừa nhận ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị Thanh X và ông đã ký hợp đồng ủy quyền ngày 15/10/2012 tại Phòng công chứng số 3, tỉnh Tiền Giang; tại thời điểm ký hợp đồng ủy quyền ông khẳng định đã đọc lại nội dung ủy quyền. Đồng thời, tại phiên tòa, ông Nguyễn Văn S trình bày không thống nhất, cụ thể ông cho rằng số tiền 300.000.000 đồng vay của bà Hồng A thì ông chỉ nhận đủ 250.000.000 đồng, còn 50.000.000 đồng là trừ 02 tháng tiền lãi và tiền môi giới và khoản tiền vay 300.000.000 đồng này khác với khoản tiền vay 700.000.000 đồng trước đây; trong khi đó, ông S thừa nhận biên nhận nhận tiền ngày 16/10/2012 là do chính tay ông viết toàn bộ nội dung và ký tên, ghi rõ họ, tên trong biên nhận. Mặt khác, ông Nguyễn Văn S cũng không có chứng cứ gì chứng minh là ông chỉ nhận số tiền 250.000.000 đồng và phía bà Hồng A đã lấy tài sản để khấu trừ số tiền nợ, trong khi ông Nguyễn Văn N không thừa nhận và xác định đã giao ông S đủ số tiền 300.000.000 đồng theo biên nhận ngày 16/10/2012.

Đối với việc ông Nguyễn Văn S cho rằng số tiền 250.000.000 đồng ông chỉ nhận từ ông N số tiền 150.000.000 đồng, còn 100.000.000 đồng ông N viết biên nhận nợ lại ông; ông Nguyễn Văn N không thừa nhận và cho rằng biên nhận này xuất phát từ giao dịch mua bán khách sạn giữa ông N và ông S vào năm 2011 và ông S cũng không có chứng cứ gì chứng minh là số tiền 100.000.000 đồng này liên quan đến số tiền 300.000.000 đồng của ông M, bà M, anh L và chị X vay. Mặt khác, việc ông Nguyễn Văn N thiếu ông Nguyễn Văn S số tiền 100.000.000 đồng là giao dịch khác.

Dó đó, yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng A về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị Thanh X trả số tiền 300.000.000 đồng là có căn cứ. Đối với số tiền 100.000.000 đồng ông Nguyễn Văn N thiếu anh Nguyễn Văn S thì anh Nguyễn Văn S có quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

* Đối với yêu cầu của bà Phạm Thị Hồng A về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ:

Xét , ông Nguyễn Văn S thỏa thuận ký kết hợp đồng vay tài sản, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với bà Phạm Thị Hồng A theo hợp đồng ủy quyền ngày 15/10/2012 của ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị Thanh X. Như vậy, ông Nguyễn Văn S thực hiện công việc nhân danh ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị Thanh X,

nên việc nguyên đơn yêu cầu ông S liên đới thực hiện nghĩa vụ trả tiền vốn, lãi cho nguyên đơn là không phù hợp.

* Đối với yêu cầu tính lãi: Ông Nguyễn Văn N trình bày số tiền vay 300.000.000 đồng mà phía bị đơn vay từ ngày 16/10/2012 cho đến nay không trả lãi, nên ông yêu cầu tính lãi với mức lãi suất 0,75%/tháng từ ngày 16/10/2012 cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Cụ thể: từ ngày 16/10/2012 đến ngày 27/9/2017 là 59 tháng 10 ngày, tiền lãi là 133.500.000 đồng.

Như trên đã phân tích, hợp đồng vay tiền ngày 16/10/2012 giữa bà Phạm Thị Hồng A và ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị Thanh X đã hết thời hiệu khởi kiện tranh chấp hợp đồng vay tài sản, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu tính tiền lãi của nguyên đơn.

* Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất:

Ngày 16/10/2012 ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X có thế chấp cho bà Phạm Thị Hồng A quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00597.QSDĐ/QĐUB ngày 08/11/2004 gồm 02 thửa :

- Thửa số 78 tờ bản đồ 17 diện tích 5.600m^2 mục đích sử dụng Quả tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

- Thửa số 140 tờ bản đồ 17 diện tích 2.889m^2 (trong đó T: 300m^2. Quả 2.589m^2) tọa lạc tại xã N, huyện C, tỉnh Tiền Giang;

Hợp đồng thế chấp đã được Phòng công chứng Cửu Long, tỉnh Tiền Giang chứng thực ngày 16/10/2012. Hợp đồng này được ký kết giữa bà Phạm Thị Hồng A với ông Nguyễn Văn S vì ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X đã có văn bản ủy quyền cho ông Nguyễn Văn S.

Xét hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 16/10/2012 được ký kết bà Phạm Thị Hồng A với ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X, đại diện là ông Nguyễn Văn S có hình thức và nội dung phù hợp theo quy định tại các điều từ 715 đến 721 Bộ luật dân sự 2005. Tuy nhiên, hợp đồng này chưa được đăng ký giao dịch theo quy định tại Điều 46 Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm. Do đó, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất ngày 16/10/2012 chưa có hiệu lực pháp luật, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn và nguyên đơn Phạm Thị Hồng A cõ nghĩa vụ trả lại cho bị đơn 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00597.QSDĐ/QĐUB ngày 08/11/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn M.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị Hồng A, buộc ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X trả cho bà Phạm Thị Hồng A số tiền

300.000.000 đồng, không chấp nhận yêu cầu của bà Hồng Anh về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S liên đới trả nợ và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp; bà Phạm Thị Hồng A có nghĩa vụ trả lại cho phía bị đơn 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của hộ ông Nguyễn Văn M.

Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng A phải nộp 6.675.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền lãi 133.500.000 đồng không được chấp nhận và 300.000 đồng đối với yêu cầu ông S liên đới và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Tổng cộng là 6.975.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Bị đơn Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X phải nộp 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm..

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy, tỉnh Tiền Giang phát biểu: Về tố tụng, trong quá trình từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử Thẩm phán đã thực hiện đúng theo quy định tại các điều 26, 35, 48, 96, 97, 195 và 196 Bộ luật tố tụng dân sự như thẩm quyền giải quyết vụ án, xác định quan hệ tranh chấp, xác định tư cách đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ, mở phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải…Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã tuân thủ theo đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm, thành phần HĐXX. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng thực hiện theo đúng quy định tại các điều 70, 71, 72, 73 và 234 Bộ luật tố tụng dân sự và không có kiến nghị gì. Về nội dung: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Hồng A, buộc ông Nguyễn Văn M, Lê Thị M, Nguyễn Văn L và Nguyễn Thị Thanh X phải trả cho bà Phạm Thị Hồng A số tiền 300.000.000 đồng; không chấp nhận yêu cầu tính lãi và yêu cầu xử lý tài sản thế chấp của nguyên đơn.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Cai Lậy phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử, nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 255, Điều 256 Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 46 Luật đất đai năm 2003; Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm và Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Hồng A về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L

và chị Nguyễn Thị Thanh X trả cho bà Phạm Thị Hồng A số tiền 300.000.000 đồng

Không chấp nhận phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thị Hồng A về việc yêu cầu ông Nguyễn Văn S liên đới thực hiện nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp và yêu cầu tính lãi từ 16/4/2013 đến ngày 27/9/2017 với mức lãi suất 0,75%/tháng.

- Buộc ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X phải trả bà Phạm Thị Hồng A số tiền vốn 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng chẵn).

Kể từ ngày bà Phạm Thị Hồng A có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X không thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Bà Phạm Thị Hồng A có nghĩa vụ trả lại cho ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X 01 bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 00597.QSDĐ/QĐUB ngày 08/11/2004 của Ủy ban nhân dân huyện C cấp cho hộ ông Nguyễn Văn M.

Về án phí: Bà Phạm Thị Hồng A phải nộp 6.975.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Bà đã nộp 10.160.000 đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu số 0000456 ngày 30/11/2016 của Chi cục thi hành án dân sự thị xã C, tỉnh Tiền Giang, nên được hoàn lại 3.185.000 đồng.

Ông Nguyễn Văn M, bà Lê Thị M, anh Nguyễn Văn L và chị Nguyễn Thị Thanh X phải nộp 15.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Nguyễn Văn S có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Ngọc Phương, ông Nguyễn Văn N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày được tống đạt hoặc niêm yết hợp lệ bản án sơ thẩm.

Án tuyên vào lúc 14 giờ 10 cùng ngày, có mặt bà Phạm Thị Hồng A, ông Nguyễn Văn S; vắng mặt bà Nguyễn Ngọc P và ông Nguyễn Văn N.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang;
- Viện kiểm sát ND thị xã Cai Lậy;
- Chi cục THADS thị xã Cai Lậy;

- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

Lê Thị Hồng Tâm